TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 151/2018/HNGĐ-ST Ngày: 25-12-2018 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

2. Ông Võ Hùng Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 731/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2018 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2018/QĐST- HNGĐ, ngày 12 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Nhựt T, sinh năm 1980; địa chỉ thường trú: Khu phố B, phường H, thị xã C, tỉnh B. Có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1982; địa chỉ thường trú: Khu phố 10, phường C, thành phố T, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 10/8/2018, quá trình hòa giải nguyên đơn ông Nguyễn Nhựt T trình bày:

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Nhựt T và bà Trần Thị H chung sống với nhau từ năm 2006, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn ngày 08/8/2006 tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố T, tỉnh B.

Sau khi kết hôn thời gian đầu ông T và bà H chung sống tại thành phố M, tỉnh T, đến năm 2013 thì vợ chồng chuyển đến sinh sống tại khu phố B, phường H, thị xã C, tỉnh B. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng khoảng một năm gần đây vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thời gian ông T vắng nhà bà H tự ý bán nhà mà không hỏi ý kiến của ông H do đó vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cải vã, bà H không có trách nhiệm với chồng con, mỗi lần vợ chồng cải vã bà H bỏ về nhà cha mẹ ruột để sinh sống, thậm chí tết cũng không về nhà. Vợ chồng đã không còn sống chung từ tháng 4 năm 2018 cho đến nay.

Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể hàn gắn nên ông Nguyễn Nhựt T yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị H.

- Về con chung: Quá trình chung sống ông Nguyễn Nhựt T và bà Trần Thị H có 01 con chung tên Nguyễn Trần Khánh B, sinh ngày 28/3/2008. Hiện nay con chung đang sống cùng với bà H. Vì vậy ông T đồng ý giao con chung cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Nhựt T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ khi có bản án quyết định của Tòa án cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Nhựt T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ sau: Chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của ông Nguyễn Nhựt T, Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao), giấy khai sinh cháu Nguyễn Trần Khánh B (bản sao).

2. Quá trình giải quyết vụ án tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn bà Trần Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị H thống nhất với ý kiến của ông Nguyễn Nhựt T về thời gian chung sống, kết hôn, còn về mâu thuẫn vợ chồng trong quá trình chung sống ông T thường hay đánh đập bà H. Sự việc có báo cho Công an phường H nhưng Công an không lập biên bản và không giải quyết. Hiện nay

vợ chồng không còn tình cảm, vợ chồng không hợp nhau, không thể tiếp tục chung sống được nữa nhưng bà H không đồng ý ly hôn vì chưa thỏa thuận giải quyết xong vấn đề tài sản chung của vợ chồng. Khi nào vợ chồng thỏa thuận xong vấn đề tài sản chung thì bà H mới đồng ý ly hôn. Vợ chồng đã không còn sống chung từ tháng 4 năm 2018 cho đến nay.

- Về con chung: Quá trình chung sống ông Nguyễn Nhựt T và bà Trần Thị H có 01 con chung tên Nguyễn Trần Khánh B, sinh ngày 28/3/2008. Hiện nay con chung đang sống cùng với bà H. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con của ông T 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ khi có bản án quyết định của Tòa án cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn không giao nộp tài liệu chứng cứ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Nhựt T có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Bị đơn bà Trần Thị H vắng mặt không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; xác định đúng tư cách đương sự theo quy định tại Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự; thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trình tự thụ lý, xác minh, thu thập và giao nhận chứng cứ đầy đủ, đúng trình tự theo quy định. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 48, Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm.

Đối với những người tham gia tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên không có kiến nghị khắc phục.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. *Về quan hệ pháp luật*: Ngày 10 tháng 8 năm 2018, ông Nguyễn Nhựt T có đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bà Trần Thị H nên đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại Điều 51, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[1.2]. *Về thẩm quyền*: Ông Nguyễn Nhựt T khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn bà Trần Thị H, đây là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại thời điểm thụ lý bị đơn, bà Trần Thị H cư trú tại phường C, thành phố T, tỉnh B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. *Về việc tham gia phiên tòa của đương sự*: Tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Nhựt T có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn bà Trần Thị H vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập đến tham gia phiên tòa lần thứ hai. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với ông T, bà H.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*:

Ông Nguyễn Nhựt T và bà Trần Thị H chung sống và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường C, thành phố T, tỉnh B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 130/06, quyển số 01, ngày 08/8/2006. Việc, chung sống và đăng ký kết hôn giữa ông T và bà H là hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị ép buộc nên đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên hôn nhân giữa ông T, bà H là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Ông T khai, trong quá trình chung sống do bất đồng quan điểm, vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cải vã, bà H không có trách nhiệm với chồng con. Vợ chồng đã không còn sống chung từ tháng 4/2018 đến nay, bà H về nhà cha mẹ ruột sinh sống tại địa chỉ Khu phố 10, phường C, thành phố T, tỉnh B đến nay nhưng không hàn gắn được. Bà H cũng thừa nhận qúa trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn sống chung với nhau, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Hiện nay, bà H cũng xác định

không còn tình cảm với ông T, tuy nhiên bà H chỉ đồng ý ly hôn khi đã thỏa thuận xong về tài sản.

Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc nên vợ chồng phải có trách nhiệm chăm sóc, giúp đỡ nhau về mọi mặt, tin tưởng thương yêu nhau; những mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng cần phải tìm cách giải quyết để xây dựng gia đình hạnh phúc.

Qua xác minh tại địa phương nơi ông T, bà H cư trú, cho biết: Ông T và bà H là vợ chồng, quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn cải vã, đã nhờ chính quyền địa phương hòa giải.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ, qua các lần hòa giải ông T và bà H đều thừa nhận do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và hiện nay vợ chồng đã không còn sống chung. Việc bà H không đồng ý ly hôn không phải vì còn thương yêu ông T mà chỉ muốn giải quyết xong về phần tài sản.

Ông T, bà H đều xác định hiện nay vợ chồng không còn tình cảm, vợ chồng không còn chung sống với nhau nên không thể nào có cơ hội hàn gắn. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn giữa ông T và bà H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà H là có cơ sở, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T.

[2.2]. *Về con chung*: Quá trình chung sống ông Nguyễn Nhựt T và bà Trần Thị H có 01 con chung tên Nguyễn Trần Khánh B, sinh ngày 28/3/2008. Hiện nay con chung đang sống cùng với bà H, ông T đồng ý giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, bà H cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung và đồng ý với mức cấp dưỡng của ông T.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của con chung, tại biên bản lấy lời khai ngày 08/10/2018 cháu B có nguyện vọng được sống cùng với bà H nên cần ghi nhận. Giao con chung Nguyễn Trần Khánh B, sinh ngày 28/3/2008 cho bà Trần Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Nhựt T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[2.3]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên

không xem xét giải quyết.

[3]. Tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4]. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Nhựt T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng; tổng cộng là 600.000 đồng; bà Trần Thị H không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 238, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Nhựt T về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với bị đơn bà Trần Thị H.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Nguyễn Nhựt T được ly hôn với bà Trần Thị H.

1.2. *Về con chung*: Giao con chung Nguyễn Trần Khánh B, sinh ngày 28/3/2008 cho bà Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Nhựt T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Trần Khánh B, sinh ngày 28/3/2008 mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 12/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Nhựt T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức dưỡng nuôi con nếu cần thiết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án

còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

1.4. *Về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Nhựt T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0022631 ngày 04/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Ông Nguyễn Nhựt T còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày (mười lăm ngày) kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- UBND phường C, Tp. T, tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Nga